

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 125/2025/DS -PT
Ngày 13 tháng 6 năm 2025
“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Các Thẩm phán: Ông Vũ Việt Dũng

Bà Trần Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất; Yêu cầu tháo dỡ vật kiến trúc trên đất”.

Do Bản án sơ thẩm số: 112/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 74/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số: 263/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà *Phan Thị Hồng L*, sinh năm 1983 và ông *Nguyễn Tân T*, sinh năm 1977; Cùng địa chỉ: K đường Đ, tổ E, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. (bà L, ông T có mặt).

2. Bị đơn: Ông *Nguyễn Văn H*, sinh năm 1975 và bà *Trần Thị Kim H1*, sinh năm 1980; Cùng địa chỉ: K đường Đ, tổ E phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện bị đơn tham gia tố tụng tại Tòa án: Bà Võ Thị Minh L1, sinh năm 1962, địa chỉ: Số C đường B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng theo Giấy uỷ quyền của ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Kim H1 được công chứng ngày 05/4/2025 (ông H, bà H1 và bà L1 đều có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông *Phan Công M*, sinh năm 1954 và bà *Nguyễn Thị H2*, sinh năm 1956; Cùng địa chỉ: K đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. (bà H2 vắng mặt, ông M có mặt).

4. *Người giám định:* Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ; Địa chỉ: Tầng E-Nhà làm việc các BQLDA các đơn vị sự nghiệp, số D đường V, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. (Nay sáp nhập vào Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đ) (Vắng mặt).

5. *Người kháng cáo:* ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Kim H1 - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phan Thị Hồng L và ông Nguyễn Tân T trình bày như sau:*

Ông Nguyễn Tân T và bà Phan Thị Hồng L là người có quyền sử dụng đất tại thửa đất số 153, tờ bản đồ 232, diện tích 97,8m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 655803 do UBND quận L cấp ngày 20/01/2011. Đến ngày 18/02/2011, ông T bà L xây nhà 02 tầng, được UBND quận L cấp Giấy phép xây dựng số 41/GPXD cho phép diện tích xây dựng tầng 1 là 81m², tổng diện tích sàn sử dụng 166,5m².

Nhà đất của vợ chồng ông T, bà L liền kề với nhà của vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Kim H1. Vào năm 2013, ông H bà H1 mua nhà đất đã có sẵn của ông Phan Công M và bà Nguyễn Thị H2 là ba mẹ ruột của bà L. Việc mua bán giao dịch giữa các bên diễn ra như thế nào thì bà L không biết. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng ông H, bà H2 đến ở thì giữa hai nhà đều giữ nguyên hiện trạng nhà đất từ trước đến nay, không sửa sang hay xây dựng gì mới. Mối quan hệ của hai gia đình cũng bình thường, không xảy ra mâu thuẫn.

Đến ngày 02/6/2021, vợ chồng ông T bà L sau khi đi về quê ra thì thấy 02 cửa sổ nhà mình bị bịt kín, khi qua nhà ông H bà H2 kiểm tra thì phát hiện vợ chồng ông H bà H2 đã xây 01 bức tường lán chiếm sang đất của nhà ông T bà L diện tích khoảng 3,6m².

Vào ngày 04/6/2021, ông bà gửi đơn kiến nghị lên UBND phường H, UBND phường đã tổ chức mở phiên họp và gia hạn cho vợ chồng ông H đến hết ngày 30/11/2021 phải tự tháo dỡ bức tường nói trên nhưng họ vẫn không chịu. Đến tháng 12/2021, Đội Quy tắc đô thị đã đến nhà ông H để tiến hành tháo dỡ nhưng cả hai vợ chồng đều chống đối, thách thức, không cho tháo dỡ. Tháng 06/2022, UBND phường cùng với Công an, Quy tắc đô thị và các cơ quan có thẩm quyền đến nhà ông H để yêu cầu tháo dỡ bức tường nhưng vợ chồng ông H vẫn chống đối quyết liệt. Việc vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Kim H1 ngang nhiên xây tường trên đất của ông T, bà L đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà L.

Vì vậy, ông Nguyễn Tân T và bà Phan Thị Hồng L khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Kim H1 trả lại phần diện tích đất đã chiếm

dụng, đồng thời tháo dỡ vật kiến trúc mà ông H, bà H1 đã xây dựng trái phép trên đất của ông T, bà L.

Ông Nguyễn Tân T và bà Phan Thị Hồng L cho rằng kết quả đo đạc của Trung tâm đối với phần diện tích nhà đất của ông bà là chưa chính xác nhưng không đề nghị đo đạc lại.

** Bị đơn - ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Kim H1 trình bày:*

Vào ngày 30/12/2013, vợ chồng tôi (Nguyễn Văn H - Trần Thị Kim H1) có nhận chuyển nhượng nhà và đất của ông Phan Công M, bà Nguyễn Thị H2 tại địa chỉ K đường Đ, tổ E, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng thuộc thửa đất số 1044, tờ bản đồ số 20, diện tích 79m², trên đất có nhà cấp 4 diện tích 62m² do vợ chồng ông M, bà H2 xây dựng sẵn. Vợ chồng tôi đã hoàn tất việc thanh toán tiền chuyển nhượng. Thửa đất của vợ chồng tôi là thửa đất liền kề thửa đất của bà Phan Thị Hồng L và ông Nguyễn Tân T. Bà L là con ruột của ông Phan Công M, tại thời điểm mua bán đất vợ chồng ông M, bà H2 đã chỉ tứ cạnh, giáp ranh rõ ràng nên tôi biết chính xác phần giáp ranh thửa đất của tôi với bà L, ông T.

Vợ chồng bà L, ông T hoạt động kinh doanh nhà trẻ nên thường xuyên nấu ăn, phòng vệ sinh cũng thường xuyên bốc mùi hôi khó chịu. Phần sau bếp và phòng vệ sinh của nhà bà L, ông T giáp với mặt trước nhà tôi nên nhiều lần vợ chồng tôi góp ý và xin phép xây tường để ngăn mùi hôi và khói tuy nhiên bà L, ông T không chịu. Việc sinh hoạt của gia đình bà L, ông T ảnh hưởng trực tiếp đến gia đình tôi nên vợ chồng tôi quyết định xây tường che lại, phần xây dựng này tôi xây trên đất của tôi, tiếp nối trên phần hàng rào của gia đình tôi nên không thể thuộc đất của vợ chồng bà L và ông T. Vì phần giáp ranh của hai gia đình là bờ tường chứ không phải là khoảng trống. Nay vợ chồng tôi muốn yêu cầu ông Phan Công M, bà Nguyễn Thị H2 đứng ra làm rõ giáp ranh giữa hai nhà, đồng thời cũng mong quý Tòa tiến hành đo đạc để làm rõ ranh giới đất của hai nhà. Vợ chồng tôi sẽ tuân theo quyết định của Tòa án nếu có sự sai sót, trường hợp vợ chồng bà L, ông T làm sai thì phải giữ lại bức tường cho gia đình tôi.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Công M và bà Nguyễn Thị H2 trình bày như sau:*

Nguyên trước đây, vợ chồng ông Phan Công M, bà Nguyễn Thị H2 là chủ sở hữu của toàn bộ nhà đất tại thửa đất số 68 (nay là thửa đất số 153), tờ bản đồ số 232 có địa chỉ Tổ G phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 174019 do UBND quận L cấp ngày 28/4/2005. Đến ngày 16/11/2010, vợ chồng ông M đã làm thủ tục tách thửa đất nói trên thành 03 thửa, trong đó 02 thửa để chuyển quyền sử dụng đất. Sau khi tách thửa, vợ chồng ông M đã tặng cho vợ chồng con gái ruột là bà Phan Thị Hồng L, ông Nguyễn Tân T phần diện tích đất 97,8m².

Vào ngày 30/12/2013, vợ chồng ông Phan Công M, bà Nguyễn Thị H2 có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, Trần Thị Kim H1 thửa đất số

1044, tờ bản đồ số 20, diện tích 70m², trên đất có nhà cấp 4 diện tích 62m², tại địa chỉ K đường Đ, tổ E, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, nhà cấp 4 do vợ chồng ông M, bà H1 xây dựng sẵn từ trước. Giá trị chuyển nhượng là 245.000.000đ (Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Thời điểm đó vì biết vợ chồng ông H còn khó khăn nên ông M bà H1 còn cho vợ chồng ông H trả góp đối với nhà đất nói trên. Gia đình bà L và gia đình ông H sống trên hiện trạng nhà đất từ trước đến nay không thay đổi.

Nay vợ chồng ông H xây dựng bức tường bít cửa sổ nhà bà L lại thì vợ chồng ông M không đồng ý, vì ông M xác định phần diện tích đất mà ông H xây tường nằm trong phần diện tích đất của vợ chồng ông Nguyễn Tân T và bà Phan Thị Hồng L. Vợ chồng ông M cho rằng thửa đất bán cho vợ chồng ông H, bà H1 có chiều ngang 4,7m và chiều dài 15m, tổng diện tích không thể là 79m² theo lời ông H trình bày. Công trình phụ và hầm vệ sinh nhà bà L nằm về phía tay phải nhà ông H chính là tại vị trí ông H xây tường. Do đó vợ chồng ông M, bà H1 đề nghị vợ chồng ông H, bà Kim H1 tháo dỡ bức tường, trả lại đất cho vợ chồng ông T, bà L.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án số 112/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 93; Điều 157; Điều 159; Điều 161; Điều 235; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 166 của Luật Đất đai; khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tân T và bà Phan Thị Hồng L đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Kim H1 về việc “Tranh chấp đòi lại đất; Yêu cầu tháo dỡ vật kiến trúc trên đất”.

1. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Kim H1 phải tháo dỡ bức tường trát xi măng có chiều dày 10cm, chiều dài là 03 mét bằng với chiều dài sân nhà ông H, chiều cao là 03 mét rưỡi từ mặt đất đến cách sân ban công nhà ông T, bà L 20cm.

2. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Kim H1 phải trả lại nguyên hiện trạng như ban đầu đối với phần diện tích đất 2,7 mét vuông nằm trên thửa đất số 153, tờ bản đồ 232 tại địa chỉ Tổ E, phường H, quận L, TP Đà Nẵng cho ông Nguyễn Tân T và bà Phan Thị Hồng L.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Kim H1 phải chịu 300.000 đồng án phí không có giá ngạch.

Hoàn trả cho Ông Nguyễn Tân T và bà Phan Thị Hồng L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0005728 ngày 09/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá tài sản: 7.848.238 đồng (Bảy triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn hai trăm ba mươi tám đồng) bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Kim H1 chịu.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Kim H1 phải trả cho ông Nguyễn Tân T và bà Phan Thị Hồng L số tiền 7.848.238 đồng (Bảy triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn hai trăm ba mươi tám đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2024, Toà án nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Kim H1, với nội dung cho rằng: Nhà đất của vợ chồng ông H bà H1 sử dụng hoàn toàn đúng theo Giấy mua bán với ông Phan Công M và bà Nguyễn Thị H2 (ba mẹ của nguyên đơn). Theo Biên bản thẩm định đo đạc ngày 22/9/2023 của Trung tâm K thì Bản án của Toà án quận L tuyên xử không đúng nên đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để ông bà không phải chịu oan sai.

Tại phiên toà phúc thẩm, không có đương sự nào cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ mới, các bên không thoả thuận được việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Kim H1 kháng cáo, trong thời hạn luật định phù hợp với khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy:

[2.1] Thừa đất của nguyên đơn ông Nguyễn Tân T và bà Phan Thị Hồng L đã được UBND quận L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 655803 ngày 20/01/2011 có diện tích 97,8m², theo sơ đồ thửa đất được vẽ trong Giấy chứng nhận thể hiện:

- Chiều dài thửa đất theo hướng bắc là 21,32m;
- Chiều dài thửa đất theo hướng nam là 12,15 + 9,98m = 22,13m.

Tuy nhiên, kết quả đo đạc của Trung tâm K ngày 22/9/2023 thể hiện:

- Chiều dài thửa đất theo hướng bắc là $2,85\text{m} + 17,55\text{m} + 0,7\text{m} = 21,1\text{m}$;

Đối chiếu với Giấy chứng nhận là thiếu: $21,32\text{m} - 21,1\text{m} = 0,22\text{m}$ đất.

- Chiều dài thửa đất theo hướng nam là $21,13\text{m} + 0,66\text{m} = 21,79\text{m}$;

Đối chiếu với Giấy chứng nhận là thiếu: $22,13\text{m} - 21,79\text{m} = 0,34\text{m}$ đất.

[2.2] Xét thửa đất của bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Kim H1 thì thấy, thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị đơn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và căn nhà đã được xây dựng sẵn của ông Phan Công M và bà Nguyễn Thị H2, theo giấy viết tay (hồ sơ ba lá), nên diện tích thửa đất cũng như chiều dài các cạnh thửa ghi trong giấy tờ mua bán chỉ là áng chừng, không chính xác. Khi nhận chuyển nhượng nhà và đất theo hồ sơ ba lá, ông H bà H2 đã chấp nhận hiện trạng sẵn có nên phải gánh chịu những tiềm ẩn rủi ro.

[2.3] Qua xem xét thẩm định tại chỗ nhận thấy, phần phía sau nhà của nguyên đơn tiếp giáp với khoảng sân trước nhà của bị đơn, phía trên có ban công đưa ra, chông lên mái hiên nhà của bị đơn. Tuy nhiên, các bên không yêu cầu giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.4] Việc tranh chấp bức tường xây giữa nhà nguyên đơn và bị đơn cũng đã được UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng giải quyết bằng thông báo số 351/TB-UBND ngày 11/5/2022. Theo đó, UBND phường đề nghị hộ ông Nguyễn Văn H phải thực hiện việc tháo dỡ bức tường xây vào ngày 13/5/2022. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay bị đơn là ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Kim H1 vẫn không thực hiện theo yêu cầu của địa phương.

[2.5] Trên cơ sở của kết quả đo vẽ và tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Kim H1 phải tháo dỡ bức tường trát xi măng đã xây dựng áp sát bờ tường phía sau của nhà nguyên đơn và trả lại nguyên hiện trạng như ban đầu là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tình tiết khách quan có trong hồ sơ vụ án.

[4] Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Kim H1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Kim H1.

II. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 112/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

III. Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Kim H1 phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông bà đã nộp tại biên lai thu số 0008886 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Kim H1 đã thi hành xong nghĩa vụ nộp án phí phúc thẩm.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- CCTHADS quận Liên Chiểu, ĐN;
- TAND quận Liên Chiểu, ĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo